

• quả

effets^F - effects^A - 果 - Cái gì sẽ đến do một nguyên nhân* gây ra. Vấn đề nhân quả* (*karma*) đã được các dân tộc cổ xưa nói tới, nhất là các tôn giáo* Ấn Độ. Cho đến Phật giáo* thì bày thêm ra và cho rằng bởi lực nhân*, tứ duyên* mà sinh ra quả, tức là hậu quả của nhân duyên* mà nên. Có năm loại: 1- Dị thực quả là do dị thực nhân mà có, do các nghiệp lực quá khứ hoặc thiện hoặc ác làm ra mà ta không nhận thấy kết quả. 2- Đồng lưu quả là cái kết quả đồng hóa nhân hoặc biến hình nhân. 3- Ly hệ quả là cái kết quả không do lực nhân tứ duyên mà bởi cái vô lậu chân tri, thoát ly khỏi vô minh* phiền não, chứng được Niết bàn*. 4- Sử dụng quả chỉ các thứ sự nghiệp dựa vào tác dụng của sĩ phu. 5- Tăng thượng quả là kết quả bởi năng tác nhân và tăng thượng duyên.

• quả báo nhãn tiền

chatiment immédiat résultant des causes antérieures^F - Immediate punishment resulting from previous causes, karma^A - 果報眼前 - Hậu quả đến liền cho thấy việc làm ác từ kiếp* trước hay trong hiện kiếp mà người gây ra không nhận biết ngay trong kiếp sống của họ hoặc cho họ hay cho con cháu họ phải gánh chịu.

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

• Quả Càn Khôn

Le Sphère Céleste^F - The Celestial Sphere^A - Ngày 17 tháng 9 năm 1926, Đức Cao Đài* có dạy ông Phối Sư Thái Bỉnh Thanh tạo nên một quả cầu tròn bằng thủy tinh đường kính 3,3 mét trung tâm có ngọn đèn luôn thấp sáng. Trên nền tròn vẽ đủ 3072 ngôi sao dựa theo sách Thiên Văn học* Tây phương, phía trước và trên ngôi sao Bắc Đẩu* vẽ hình Thiên Nhân* sáng chói tỏa hào quang. Quả Càn Khôn này được trần thiết nơi Bửu Điện* tại chùa Từ Lâm Tự* Gò Kén Tây Ninh trong đại lễ Khai minh phần Phổ Độ*, sau dời về Tòa Thánh Tây Ninh* tháng 3 năm 1927 cho đến ngày nay. Ý nghĩa tượng hình Vũ trụ* theo Đạo học* Đông phương* dưới quyền năng cai quản của Đấng Thượng Đế* Cao Đài* mà ngôi Bắc Đẩu là nơi Ngải ngự. Ngọn đèn luôn sáng ở trung tâm là ngọn đèn Thái Cực, nơi bàn thờ* thì đặt ngay phía trước hình Thiên Nhân với ý nghĩa điểm Linh Quang* của Vũ trụ, hiện diện nơi Con người là một Tiểu Linh Quang*, nơi Vũ trụ là một Đại Linh Quang*.

• Quái

Diagramme^F - Diagram^A - Quẻ*, thứ hình tự do Phục Hy* tạo ra thường gồm các gạch nguyên (*Dương**) và gạch đứt (*Âm*) để tạo thành hình tượng Bát Quái* gọi là tám quẻ trong Kinh Dịch*.

• Quakers giáo đồ

Quakers^F - Quakers^A - Quaker là thành phần của một giáo phái* do George Fox, nhà thần bí học* người Anh tạo ra vào thế kỷ XVII. Giáo phái này còn gọi là hội những người bạn thân (*Société des amis*). Đời ông (1624-1691) nhiều bất trắc. Khi còn bé, ông cảm thấy được Thượng Đế* gọi, đọc Kinh Thánh*, đi lang thang các vùng quê bạn một bộ đồ cổ lỗ sĩ không giống ai, đã được Thượng Đế ban phép lạ* bảo phải từ bỏ tất cả và đi rao giảng sự cứu thế cho mọi người. Ông bị theo dõi và bị bỏ tù nhiều lần, nhóm ông được phát triển ở phía Bắc Âu. Năm 1670, ông có truyền giáo qua Mỹ và trở lại Âu châu hai lần rồi mất tại Luân Đôn. Ông có xuất bản tờ nhật báo mà giáo phái này xem như Kinh Thánh. Kể về giáo phái này thì ông là đối tượng xem như phản thể của Cơ Đốc giáo. Bị lên án vì các ý tưởng của ông, ông bị bắt ra tòa và buộc phải run sợ trước lời của Chúa, từ đó có danh hiệu

Đông Tân

là những người run sợ hay Quakers. Người Quakers chịu nhiều thảm sát, bị tống giam và bị xem như những người điên. Tuy nhiên, họ chứng tỏ một tinh thần độc lập, không chào hỏi bất cứ ai, chửi thề mọi người, không hề nhận một trung gian nào giữa họ và Thượng Đế, do đó họ không có lễ nghi* hay lễ hội gì cả. Nếu họ đã bỏ các mũ và y phục thời thế kỷ XVII, sự thanh đạm trong sạch của phong tục họ, lòng nhân ái và cả sự khắc khổ của họ không hề thay đổi. Không hề chịu giết chóc dù với lý do nào, họ là những người có lương tâm và cũng không hề thề thốt. Năm 1684, do William Penn hướng dẫn, họ có được một khoảng đất rộng lớn, trở thành tiểu bang Pennsylvania và lan rộng về phía Đông Bắc xứ Hoa Kỳ, nơi đây họ còn tồn tại. Chống lại chế độ nô lệ, họ không hề xua đuổi những người Ấn Độ mà lại tương thân với họ. Từ trước, họ là những kẻ nhượng bộ phía Bắc cũng như phía Nam. "*Hội của những người bạn của chân lý*" hay văn tắt "*hội những người bạn*" trước hết phải làm việc thiện. Trong thời nội chiến, hội lo việc tiếp tế cho các nạn nhân vô tư của tai họa này. Không chấp nhận lễ nghi hay cúng* bái, họ chỉ tin vào ánh sáng nội tâm đang chiếu rọi các tín hữu ngoan đạo. Họ tập hợp trong những gian phòng khắc khổ và cầu nguyện* trong sự trầm tư mặc tưởng*. Thịnh thoảng có các nhân vật do Thánh linh điều động ra khỏi sự im lặng và thông báo cho tập thể biết những lời Thánh huấn về hòa bình và tình thương đã được cảm hóa nơi họ. Không có ca nhạc, chỉ có vài bài đọc. Những người Quakers tập hợp thành hội đoàn gồm đàn ông và đàn bà bình đẳng* như nhau, không có Mục sư*, chỉ chọn những người thâm niên để quản lý đoàn thể mà thôi. Cũng có những xu hướng khác về chủ thuyết vào đầu thế kỷ XIX do Elias Hicks đã chối bỏ tính Thần linh* của đấng Christ*. Nhóm giáo phái này đã phân ly tại Hoa Kỳ những người Chính thống Hicksite tách ra khỏi khuynh hướng nhứt thống.

• Quan Âm Bồ Tát

Avalokiteśvara^P - 觀音菩薩 - Là hiện thân* của vị Phật A Di Đà (*Amitabha*). Người Tây phương còn gọi ngài là Padmapani. Danh hiệu của ngài là ánh sáng. Trong Phật giáo Đại Thừa* thì ngài là vị Bồ Tát* rất nhân từ luôn luôn sẵn sàng nghe theo những lời thỉnh cầu kêu cứu của người thế gian. Từ thế kỷ

thứ III đến thế kỷ XII, sự tôn thờ đã có ở Ấn Độ rồi ở Trung Á. Tại Tây Tạng, ngài hóa thân* nơi các Tara và các vị Đạt Lai Lạt Ma kế tục nhau. Tại Cao Miên, ngài có danh hiệu là Lokeçvara. Tại Trung Hoa ngài có từ thế kỷ thứ VIII dưới hình thù một phụ nữ được biết dưới tên là Quan Âm (*Kwan Yin*) và ở Nhật dưới danh hiệu là Kwannon. Tại Trung Á, Quan Âm thường được biểu thị trên các bức họa bằng lụa với rất nhiều cánh tay gọi hình ngàn cánh tay đang ra cứu vớt chúng sanh, trên mỗi bàn tay có vẽ hình con mắt trong lòng tay và một trong những bàn tay cầm chậu nước để giải khát chư môn đệ. Bà hướng dẫn chư hồn về cõi Niết bàn* của Phật A Di Đà. Bà cũng đôi khi biểu thị bằng dáng hộ trì cho các bà mẹ và có mang theo các trẻ nít. Có hình tượng Quan Âm với 11 cái đầu. Ngài cũng có đội trên đầu hình tượng đức Phật A Di Đà. Đó là theo sự tìm hiểu của người Tây phương. Trong khi đó thì ở Đông phương, hình như đầu đầu cũng có hình ảnh Phật bà Quan Âm theo địa phương mỗi nơi. Như Trung Hoa có sự tích nàng công chúa Diệu Thiện con vua Diệu Trang (*tên là Linh Đẩu*) vì chí hướng muốn xuất gia đầu Phật mà bị vua cha hành hạ đủ điều, nhưng nàng nhất định không chịu hưởng cảnh phú quý giàu sang vương giả. Câu chuyện được kể qua nhiều tình tiết có tính huyền thoại hơn là có thực, cuối cùng nàng được đưa đến Phổ Đà Sơn(?) và đã tu thành Đại Bồ Tát* tại đó. Vì núi này ở Nam Hải nên gọi danh bà là Quan Âm Nam Hải hay Phổ Đà Phật Tổ... Tại Việt Nam thì câu chuyện Quan Âm Thị Kính xuất xứ không rõ ràng đã biến Thị Kính người vợ Thiện Sĩ bị hãm oan là mưu giết chồng (*vì cầm kéo cắt cái râu dưới cằm chồng đang ngủ*), rồi lại bị vu là dâm loạn với Thị Mầu khi đang giả trai cùng tu tại chùa, nhưng vẫn cần rằng chịu đựng mọi nhục nhã mà chính nàng không có để cuối cùng thì thành Phật Quan Âm. Dù sao thì sự tích Phật bà Quan Âm còn được truyền tụng trong dân gian cũng cho thấy một gương tu học rất cần cho nữ giới một khi đã dẫn thân vào cửa đạo đức* tu hành*. Cao Đài giáo* khi thành hình phần Phổ Độ* với các phẩm vị* Tam Trấn* thuộc ba phái Nho Thích Đạo, Đức Cao Đài* đã chọn Phật Quan Âm (*Thích*) dẫn dắt phái nữ cùng lúc đức Quan Thánh (*Nho*) diu dắt phái nam và đức Lý Thái Bạch* (*Đạo*) thọ phong Nhứt Trấn. Như vậy, sự thờ đức Phật Quan Âm

trong Cao Đài giáo là một sự kết hợp trong tinh thần cứu độ chung theo Chánh pháp kỳ ba, chứ không phải là sự vay mượn giáo lý* nhà Phật. Cho nên, sự kiện này chỉ có bên Phổ Độ, chứ phần Vô Vi* thì các người nữ tu* một khi đắc thành vị ngôi cũng đã hội đủ mức kiên trì đạo hạnh theo tâm pháp còn khó khăn hơn Phật Quan Âm ngày xưa vì phải tự mình lo bươn chải tại tư gia chứ không vào chùa để nương thân tại đó như bà Quan Âm.

• Quan Âm Tự

Ngôi chùa Phật thuộc Minh Đường* tại sườn núi Dương Đông* do ông Huỳnh đăng Khoa và ông Đỗ minh Châu tục gọi Cả Bốn tạo lập từ đầu thế kỷ XX. Khi hai ông qui liễu* thì con ông Cả Bốn là Đỗ kim Cự trông nom, sau giao lại cho ông Đỗ văn Đỗ tục gọi Tám Gia trong nom vào đầu thập niên 1920. Trong thời gian này, quan phủ Ngô văn Chiêu đến làm chủ quận Phú Quốc có tới mượn làm nơi cầu tiên*, nhưng chỉ trong tám tháng thì ông đổi xuống Sùng Hưng Tự*. Cuối cùng vào thập niên 1960, khi ngôi chùa hoang phế thì lại được dùng làm nền ngôi Cao Đài Hội Thánh cơ ngơi của Đoàn Dương Đông* còn đến ngày nay.

• Quan Thánh Đế Quân (160-208)

關聖帝君 - Vốn có tên là Quan Võ. Theo sách Minh Thánh Kinh, Quan Võ là con của một nho gia tên là Quan Nghị, sinh ngày 24 tháng 6 năm Canh Tý (160 sau Tây lịch) tại làng Giải Lương quận Hà Đông, tỉnh Sơn Tây. Ông sinh dưới triều vua Diên Hy (158) triều đại suy vong của nhà Hán. Ông nội là Quan Thấm cũng là một nhà nho đã về trí sĩ để dạy dỗ con cái dưới triều suy nhược của vua Hòa Đế (136). Sau khi cụ Quan Thấm mất, Quan Nghị đã làm nhà tranh ở bên mộ của ông nên cũng đã làm gương tốt về đạo hiếu cho Quan Võ sau này. Từ thuở ấu thơ, Quan Võ đã tỏ ra rất thông minh và sức mạnh phi thường. Ông học thuộc Kinh Dịch* và Kinh Xuân Thu*. Năm 19 tuổi, vợ ông, bà Hồ Thị sinh con là Quan Bình, từ đó, ông có thể rời gia đình để nhập ngũ cứu nước... Theo lời cha, ông đến Hà Đông để xin nhập ngũ nhưng bị từ chối. Trên đường về, ông đã giết tướng cướp Lữ Hùng vì đã hãm hại dân lành (Hầu Thủ Nghĩa). Triều đại nhà Hán suy vong từ 168, nhiều giặc giã nổi lên khắp nơi, nhà vua phải truyền hịch chiêu mộ quân

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

sĩ; trong dịp này, ông gặp hai người là Lưu Bị và Trương Phi cùng đồng chí hướng nên đã mượn vườn đào của Trương Phi làm lễ kết nghĩa tục gọi là đào viên kết nghĩa để mưu sự cứu nước an dân. Từ đó ba anh em lập được nhiều chiến công được vua Hiến Đế triệu vào cung phong chức tước. Công đức của Quan Võ còn được nhắc về sau là việc tiết nghĩa phò nhị tẩu (hai người vợ Lưu Bị) trong lúc thất trận mà không tai tiếng. Cái nghĩa khí hàng Hán bắt hàng Tào, trung thần bất sự nhị quân khi ông bị Tào Tháo dụ hàng với đủ mọi cách nhưng vẫn một lòng trung thành với Hán Đế, đặc biệt là lòng dũng cảm coi thường sự đau đớn khi chịu cho Hoa Đà mổ cánh tay bị tên độc vừa ngồi đánh cờ với Mã Lương. Về sau khi thất thủ Kinh Châu bởi Ngô Tôn Quyền phải chạy sang Mạch Thành, rồi do mưu kế độc hại của Lữ Mông, đề đốc của nhà Ngô, bị sa cơ cùng với con là Quan Bình tại Lâm Thợ và bị bêu đầu vì không chịu hàng phục vào năm 208. Có sách chép việc Quan Văn Trường nhập hồn vào Lữ Mông và mắng Ngô Tôn Quyền. Về việc xưng danh hiệu Quan Thánh Đế Quân thì là về sau do Hòa Thượng Phổ Tịnh chùa Ngọc Tuyên Sơn(?) giải oan* tình ngộ mà đi tu nên chứng quả Già Lam Bồ Tát*. Tuy nhiên, việc ngài hiển Thánh lại qua cơ bút* với danh hiệu Thần Oai Viễn Trấn Quan Thánh Đế Quân thì được dân gian thờ cúng* khắp nơi, nhất là Trung Hoa và Việt Nam. Quyền lực thiêng liêng* của ngài cũng một phần đóng góp trong việc ngộ đạo của đức Ngô Minh Chiêu* khi còn làm quan ở Tân An. Trong Cao Đài giáo* phần Phổ Độ*, Đức Cao Đài* đã phong cho ngài phẩm vị* trong Tam Trấn* chủ về Nho trong việc hướng dẫn nam phái tín hữu trên bước tu học noi gương nghĩa khí trung liệt như ngài.

• quán nhứt chấp trung

*à force d'approfondir l'unité, on étient le bon sens**
- *by dint of deepening the unit, we extinguish common sense*^A - 貫一執中 - Ý nghĩa đạo học*, lấy đường chánh tức đạo trung dung để thống hiệp làm một với chân lý* Vũ trụ, qui về một nguyên lý mọi Chánh pháp để thành hình tuyệt đối* Thượng Đế Lý Tính* trong tinh thần Vạn Giáo Nhất Lý*.

• Quân nhạc

Một cấp bậc trong ngành nhạc của Tây Ninh tương

Đồng Tân

đương Giáo Hữu Cửu Trùng Đài.

• Quang Năng

Énergie Illuminée^F - Illuminated Energy^A - 光能 - Trong sách Lý Thuyết Tổng Hợp* (xuất bản năm 1971 tại Sài Gòn), Đồng Tân đã gọi Quang Năng* là thành phần cấu tạo nên Vũ trụ*, phát xuất từ Linh Năng* là Nguyên Nhân đầu tiên* của Vũ trụ mà ra. Cùng một nguyên lý với Quang Năng là Động lực*, hai thành phần này tạo nên thế giới Vô hình (từ Quang Năng) và thế giới hữu hình (từ Động Lực) làm thành cuộc sống của Vũ trụ bằng bạc khắp nơi từ vũ trụ bao la của tinh vân đến vũ trụ tế vi của nguyên tử. Quang Năng là phần chủ động chủ trì Động Lực và chan hòa trong nó để tạo nên cuộc sống chung của sinh vật cũng như của vạn vật trong vũ trụ không thể thiếu một trong hai tác nhân này, cho dù con người có biết đến hay không thì đến khi chết họ sẽ biết.

• quang thuyết

philosophie des lumières^F - philosophy of lights^A - 光説 - Phong trào triết học* vào thế kỷ XVIII có tính cách tin tưởng vào sự tiến bộ của nhân loại, tin vào lý trí và có ý xem thường tôn giáo* và truyền thống dân tộc. Cuốn Bách Khoa Tự Điển của D'Alembert và Diderot là tác phẩm của quang thuyết. Các nhà đại diện chính được kể là Diderot, D'Alembert, Cabanis, Helvetius, Tu viện trưởng Cardaillac. Tại Đức, những nhà đại diện quang thuyết (cuối thế kỷ XVIII) mà người chủ xướng là Nicolai Borg có ra tạp chí Eude-monia đưa ra một hình thức duy lý quá tầm thường đối lập với nguồn cảm hứng lãng mạn cũng như phần triết học của Kant* mà họ gọi là "đen tối".

• Quân đội Cao Đài

La Garde Caodaiste^F - The Caodaist Guard^A - Thật ra Cao Đài giáo* không có quân đội dù để bảo vệ cơ sở hay cá nhân giáo phẩm* như Cơ Đốc giáo* ở Vatican hay Hồi giáo* với các đạo quân thánh chiến bởi toàn đạo Cao Đài* gồm các chi phái* Phổ Độ* - chữ Vô Vi thì không hề có bao giờ - đã không biểu đồng tình việc sử dụng vũ lực khi mà mục đích và tôn chỉ của nền đạo không cho phép đề cập đến những gì ngoài đạo lý trong đó vũ lực sát máu thường do tội lỗi của con người mà ra. Tuy nhiên,

đứng về phương diện người dân trước tình thế quốc gia nghiêng ngửa vì nội tình đảng phái đấu tranh khi ngoại xâm giày xéo đất nước thì người tín đồ có bốn phận* tương xứng đối với quốc gia mới xứng với châm ngôn "quốc gia hưng vong thất phu hữu trách". Cho nên, đạo quân Áo trắng* của cụ Cao triều Phát* những năm 1946-1954 tại Bạc Liêu đã chứng tỏ tinh thần yêu nước, yêu đồng bào trước thủ đoạn mờ ám của Việt minh cộng sản cũng như cuộc tái chiếm xâm lược của quân đội Pháp do Hồ chí Minh rước trở lại năm 1946 để mưu sự độc tài đảng trị trên đất nước này thì lịch sử không thể không ghi ơn sự đóng góp xương máu đó. Mặt khác, quân đội Cao Đài* đã thành hình do ông Trần quang Vinh* bắt đầu manh nha khi Tòa Thánh Tây Ninh* bị Công sứ Pháp và chủ quận Lâm văn Huê điều đình cùng Giáo Sư Thượng Trí Thanh hỏi mượn Tòa Thánh cho nhà binh Pháp ở và hạn kỳ 24 giờ phải dọn đi nơi khác khi ông Hộ Pháp Phạm công Tắc* đã bị đẩy đi Madagascar cùng 5 chức sắc* khác trước đó hai tháng (tháng 6 Tân Tỵ - 1941). Thế là các cơ sở đạo tại đường Bình Dương Đạo đều bị quân Pháp chiếm đóng và các chức sắc phải dọn ra ở các nhà đạo hữu* hoặc phải về quê. Chính phủ thực dân lúc ấy cũng tính bề "đạo hóa" (có nghĩa là biến thành đạo Chúa) nên thường cho các linh mục vào Tòa Thánh hăm dọa đạo hữu và dụ dỗ họ làm con chiên. Đồng thời, các Thánh Thất* đang hành đạo khắp nơi đều bị sung công hay đóng cửa. Trước tình thế đạo đời nguy khốn đó, ông Trần quang Vinh đã xin hưu trí - ông vốn là công chức - dự định mang gia quyến từ Kim Biên về Long Xuyên. Và cũng một phần do sự thúc đẩy của các đảng Vô hình Bạch Vân Động* và về sau bởi đức Lý Thái Bạch*, và cụ cố Lê văn Trung* mà ông Vinh phải thủ vai chánh trong giai đoạn này. Ban đầu là sự hợp tác với Nhựt Bản, một phần quân đội Nhựt với chiêu bài Đại Đông Á đầy hấp dẫn, cũng là nơi Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, một hoàng thân lưu vong đang mưu đồ phục quốc đang cần có hậu thuẫn trong nước. Từ đó, hai bên Việt Nhựt gặp nhau trao đổi công việc, ban đầu là công nhân cho hãng tàu Nitinan mà toàn người Cao Đài lãnh đóng tàu từ 5 chiếc đến 10 chiếc rồi 20 chiếc. Nơi đây cũng là nơi thành hình các toán quân sự đầu tiên tuy ô hợp nhưng thừa sức hy sinh. Một mặt lính của Cường Để thành lập Nội Ứng Nghĩa

Bình và Cận Vệ quân sẽ dùng cho việc về nước của cụ sắp tới. Thế là từ Ban Chỉ Huy tối cao tại hăng tàu, ông Vinh ra huấn lệnh tổ chức binh bị giao cho ban giám đốc hăng tàu thi hành ngay. Từ đó, có sự tuyển mộ các thanh niên từ 18 đến 40 lập thành đội ngũ dưới quyền của các ông Giáo Sư Thượng Tước Thanh (*Nội Ứng Nghĩa Binh*) và Giáo Hữu Thượng Tuy Thanh (*Cận Vệ quân*). Thế là ngót 3000 thanh niên Cao Đài công nhân hăng tàu ban ngày làm việc đóng tàu còn ban đêm thì sung vào các trường võ bị (*tam*) để chịu sự huấn luyện của các võ quan gọi là Thượng Hạ sĩ quan Cao Đài. Huấn luyện viên phần đông là cựu chiến binh Pháp và Nhật có ít nhiều kinh nghiệm, rồi lấy hai thuyết dung hòa* lại đặt ra những danh từ xưng hô bằng tiếng Việt như phòng điệp, trinh thám, phục kích, hãm thành, xấp lá cà... Hai người có công nhất trong giai đoạn này là Nguyễn văn Thành và Nguyễn thành Phương. Đặc biệt tại hăng tàu có hiện diện 20 tỉnh đạo có dinh trại riêng nên việc huấn luyện không trở ngại. Thế rồi cuộc đảo chính Pháp ngày 9 tháng 3 năm 1945 đến đem lại sự thành công cho quân đội Nhật mà cũng do sự đóng góp tích cực của quân đội Cao Đài. Thế là một nội các được thành lập gồm những nhà ái quốc Việt Nam như cụ Trần trọng Kim, Nguyễn văn Sâm, Trần văn Ân vốn đã được lực lượng Cao Đài nuôi dưỡng từ ngoại quốc trở về. Sau đó, quân đội Cao Đài được thành lập bộ Tham Mưu riêng tại số 6 Boulevard Norodom với chức Tổng Tư Lệnh là ông Trần quang Vinh. Tuy nhiên, hai quả bom nguyên tử Mỹ thả xuống hai hòn đảo Hiroshima và Nagasaki tháng 8 năm 1945 đã buộc quân đội Nhật đầu hàng vô điều kiện và lẽ dĩ nhiên lực lượng Cao Đài cũng một phần ảnh hưởng không nhỏ. Thế là quân đội Pháp theo chân quân đội Anh Ấn cũng một phần do thoả hiệp với Hồ chí Minh tái chiếm Việt Nam. Tại miền Nam, mặt trận Việt minh do Trần văn Giàu làm chủ tịch Ủy Ban Hành Chánh Nam bộ ban đầu không dám thù địch cộng sản mà ve vãn đồng bào để thành lập một dân quốc cộng hòa với bốn sư đoàn dân quân cách mạng. Ông Vinh với tinh thần yêu nước chỉ muốn dân tộc độc lập nên đã đem toàn bộ quân đội Cao Đài* với đủ thành phần lễ nghi* quân cách gia nhập vào đệ tam sư đoàn rồi từ chức giao cho ông Đặng trung Chữ luôn luôn sát cánh bên Trần văn Giàu với

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

niệt tình thương dân mến nước. Nhưng các ông có dè dặt Việt minh là cộng sản trá hình chỉ nghe theo lệnh của chúa trùm Liên Xô Trung Cộng mà rước voi về giày mả cha ông, nên sau đó chúng đã tìm bắt ông Vinh, giam cầm và hạch hỏi cho là Cao Đài thân Nhật, trong khi đó thì Pháp (*cò Bazin*) bắt ông Vinh tra tấn kịch liệt cũng tội chống Pháp, nhưng sau đó lại dụ dỗ ông hợp tác để chống lại cộng sản đang ra mặt sát hại các thành phần quốc gia yêu nước và bốn đạo Cao Đài cùng đập phá Thánh sở Cao Đài khắp nơi. Và trong một lần cơ do ông Nguyễn trung Hậu* phò loan*, cố Quyền Giáo Tông* chỉ định việc liên giao với Pháp vì sự hợp tác với Việt minh đã không thành. Cũng nhân đó mà cụ Hộ Pháp được thả về cùng với việc tự do tín ngưỡng* hội họp các Thánh sở. Quân đội Cao Đài kể từ đó dưới danh nghĩa Bảo sanh, Nhân nghĩa, Đại đồng* làm tiêu chuẩn đã trở thành lực lượng trừ bị của quân đội Pháp cho đến sau này gia nhập vào quân lực Việt Nam Cộng Hòa miền Nam với danh tướng Trịnh minh Thế* qua hàng ngũ Quân đội Liên Minh* sau khi tướng Nguyễn thành Phương đã cộng tác về quân lực trước đó với Tổng Thống Ngô đình Diệm.

• Quân đội Liên Minh

Force Allié^e - Allied Force^A - Quân đội Cao Đài* đến năm 1951 dưới quyền chỉ huy của đại tá Trịnh minh Thế* đã ly khai tách vào khu núi Bà Đen để vừa chống Pháp vừa chống Việt cộng dưới tiêu đề "*Chống cộng, dả thực, bài phong*" mà trước đó ông Trần quang Vinh* chỉ thu hẹp trong tâm nhận định yêu nước mến dân hay cứu đời cứu đạo. Cho nên ông Thế lập nên chiến khu riêng của "*Mặt trận Quốc gia Kháng chiến Liên Minh*" để đáp ứng với nguyện vọng của toàn dân lúc bấy giờ. Nhưng ai biết có những uẩn khúc giữa đại tá Thế với Tư lệnh Vinh - tuy là đàn em của ông Vinh nhưng bất đồng chính kiến với ông Vinh vì ông này quá tôn sùng ông "*giáo chủ Phạm công Tắc*" nên đã có lần ông bắt ông Vinh vào núi xử tội và giam trong 6 tháng đến tháng 11 năm 1953 mới thả về, một mặt ngầm ngầm thoả hiệp với đại tá Nguyễn thành Phương để nuôi quân trong chiến khu (*ban đầu gồm 6 tiểu đoàn quân đội Cao Đài theo ông vào chiến khu nhưng sau đó nhiều thanh niên yêu nước đủ mọi thành phần đảng phái tham*

Đông Tân

dự nên con số này lên đến non 10.000). Công cuộc kháng chiến càng gay go khi ông đương đầu với Pháp đang hùng mạnh và Việt cộng lại gian manh muốn lợi dụng hoặc chỉ điểm cho Pháp tấn công hàng ngũ Liên Minh. Nhưng tài dụng binh xuất chúng đã khiến ông lập được chiến công oanh liệt tại Sa Đéc năm 1951 mà Lucien Bodard trong tác phẩm *La Guerre d'Indochine* đã ghi lại chi tiết rõ rệt. Vì chính sách xâm lược tàn bạo của tướng Chanson trong chiến dịch bình định miền Nam nên trong một buổi lễ có duyệt binh tại thị xã Sa Đéc, ông Thế đã cho một cảm tử quân với danh xưng là Trịnh văn Minh len lỏi vào hàng dân chúng đứng xem bên vệ đường. Khi tướng Chanson và đại biểu chính phủ Thái lập Thành cùng hai cận vệ vừa tới nơi, anh này trong bộ quân phục Pháp liền từ đám đông bước ra, chạy đến gần vừa xăn chéo áo lên thì một tiếng lựu đạn nổ lớn làm kinh động khiến cho bốn thầy người ngã gục trong đó có tướng Chanson, Thái lập Thành, đại biểu chính phủ cùng người hộ vệ và anh Minh. Và thế là báo giới Pháp loan tin chỉ có Trịnh minh Thế mới đủ tài năng làm việc này nên rất cảm phần mà không làm gì được ông và Việt cộng cũng nín thinh trước vụ ám sát mà họ không tài nào làm được dù suốt thời gian đó họ giết hại đồng bào vô tội một cách oan uổng cùng các thành phần quốc gia yêu nước thật dã man theo bản chất của bọn bolchevik. Công trạng này có thể sánh với quả bom Sa Điện do Phạm hồng Thái mưu sát toàn quyền Merlin mà không thành nên Trịnh minh Thế được xem như Nguyễn thái Học với tinh thần yêu nước cao độ mà quân đội Liên Minh* là thành phần đóng góp tích cực vào công cuộc cứu quốc. Cuộc kháng chiến trong chiến khu chỉ kéo dài đến tháng 7 năm 1954, và sau đó ông bị anh em Diệm Nhu khuyến dụ ra hợp tác với họ vào năm 1955 để đi đến kết liễu cuộc đời ngày 3 tháng 5 năm 1955 bằng một viên đạn từ tai trái qua mắt phải làm văng hàm răng giả ra ngoài mà thủ phạm vẫn không tìm ra mặc dù đại úy Tạ thành Long hộ vệ có mặt tại chỗ là chân cầu Tân Thuận, nơi ông được lệnh của Tổng Thống Diệm đi thanh sát mặt trận do quân đội Liên Minh tảo thanh quân đội Bình Xuyên tại đó. Và quân đội Liên Minh cũng từ đó tan rã một cách thảm thương dù chính phủ Diệm trước đó đã tỏ ra sẵn đón trong một buổi lễ hợp tác từ chiến khu về rất

trọng thể với lon Trung Tướng cho vị tướng trẻ hào hùng. Chỉ riêng đại úy Long sau đó đã được Tổng Thống Diệm giao cho việc đặc trách về an ninh và cất nhắc lên đến cấp đại tá như là kẻ có uy tín cho đến khi hai anh em họ Ngô đèn tội trên chiếc thiết vận xa ngày bị đảo chánh tháng 11 năm 1963.

• quân tử

homme parfait (du Confucianisme)^F - gentleman, perfect man (of Confucianism)^A - 君子 - Thời Cổ Trung Hoa có cái truyền thống Nho gia tức là người đã học biết suốt được lẽ trời đất và người. Sau đó, đức Khổng Tử khi lập nên Khổng giáo* lại đề cao mẫu người lý tưởng gọi là người quân tử mà trong sách Luận Ngữ*, thỉnh thoảng trong sách Trung Dung*, chư môn đệ thường hỏi ngài về tư chất của người quân tử, ngài hay đem so sánh quân tử với tiểu nhân* cũng có nghĩa là so sánh con người hoàn toàn (*nhưng không phải là Thánh nhân*) với con người thường. Xuyên qua đó, ta thấy người quân tử là người có mức kiến thức và hành động cao hơn người thường, thâm nhiễm và thực hành đạo lý một cách đầy đủ trong tinh thần Nho giáo* với ngũ luân, ngũ thường*. Về mức độ ứng xử hằng ngày, người quân tử làm được câu: "*Quân tử thực vô cầu báo, cư vô cầu an, miễn ư sự, nhi thận ư ngôn, tịu hữu đạo nhi chính yên!*" (*Luận Ngữ*) có nghĩa là người quân tử ăn không cầu no, ở không cầu yên, miễn tiếp trong việc làm, thận trọng trong lời nói, duy chỉ có cái đạo là điều chính yếu phải thực hành mà thôi.

• quẻ

casier de divination^F - divination box^A - 卦 - Một phương tiện để biết ý hướng của Vô hình về một lời cầu xin của người thường được sử dụng trong dân gian. Ngày xưa, phương tiện này được dùng trong khoa bói toán*, nhưng ngày nay thì thông dụng hơn trong những phép trị bệnh của Vô hình và gọi là xăm*, nếu dùng để biết ý muốn của Vô hình trong sự chấp nhận hay phủ nhận điều gì thì gọi là keo*. Thường thì quẻ gồm những đồng tiền xưa có hai mặt sấp ngửa, tùy theo mỗi nơi ấn định mà sự ứng hiện thích nghi sẽ đáp ứng cho sự cầu khẩn tại nơi đó, không có quy luật nhất định về việc này.

• **quê xưa vị cũ**

Le toit paternel d'en haut^F - The paternal roof in heaven^A - Nơi cội Vô hình vốn là nơi phát xuất linh hồn* vô nhiễm của con người thời khai sinh cuộc sống, cho đến nay đã trải qua nhiều kiếp* với xác thể tại thế gian, cần phải được tu học để thanh lọc những ảnh hưởng, những ô nhiễm do môi trường vật dục để được trở về với cội Vô hình đó. Trong mỗi tôn giáo* đều có các từ ngữ tương ứng với sự trở về này như Cơ Đốc giáo* thì là về với Chúa, Phật giáo* thì về với Phật còn Cao Đài giáo* thì gọi là về với Thầy Mẹ (*tức Đức Cao Đài và Đức Diêu Trì Kim Mẫu**) bởi quan niệm các Đấng ấy là nguồn cội của sự sinh tồn và là nguyên lý của sự giải thoát* cội thế gian để trở về điểm khai nguyên được xem như quê xưa vị cũ của mình. (*Xem ngôi vị**).

• **qui**

tortue^F - tortoise^A - Con rùa, thân có mu che cứng, sống cả trên bộ lẫn dưới nước, thường xuất hiện qua những thành tích linh vật. Các tín ngưỡng* Đông phương* liệt qui vào hàng bốn linh vật đóng góp vào sự chiêm ngưỡng dân gian gọi là Tứ Linh* gồm có: long, lân, qui, phụng (*rồng, lân, rùa, phượng*).

• **qui liễu**

désincarnation^F - disembodiment^A - còn gọi liễu đạo* chỉ sự hồi qui hay cái chết* của một người trọn đời lo tu trong Cao Đài giáo*. Sự kiện này chia làm hai trường hợp riêng biệt: 1- Người tu Vô Vi vốn có thiện căn* công phu* công quả* đủ nhị bộ*, khi qui liễu có ấn chứng* mở Thiên Nhân* sẽ được đồng đạo đặt ngôi nguyên trong liên đài* có hình lục giác và cử hành tang lễ* trong im lặng, sau ngày liễu đủ 100 ngày sẽ được về cơ với Thiên vị đã được Đức Cao Đài* ban cho mà không phải dùng câu kinh tiếng kệ* nào cả vì khi còn tại thế lúc tu thân học đạo* họ đã biết họ sẽ đi về đâu mà gương tu tiến đã có từ đức Ngô Minh Chiêu*. 2- Trong khi đó người tu Phổ Độ* với pháp môn độ* tận kỳ Ba thì khi sống có pháp độ sanh và khi liễu có pháp độ tử, câu kinh tiếng kệ* trong 581 ngày theo các lễ Cửu tuần* rồi Tiểu tường* rồi Đại tường*, sẽ biết mình về Thiên đình* hay sa vào cội Diêm phù* để tái sanh một kiếp* khác.

• **qui nhứt**

unifier^F - to unify^A - 歸一 - Trở về một. Theo tinh thần Đạo học* Đông phương* thì vạn vật bắt đầu từ một mà ra, rồi sinh sinh hóa hóa muôn vàn vô số kể tràn đầy Vũ trụ và cuối cùng cũng phải tìm trở về một mới đúng với nguyên lý xây dựng Vũ trụ.

• **qui nguyên phục nhứt**

La synthèse des diverses doctrines^F - The synthesis of diverse doctrines^A - Theo tôn chỉ Cao Đài giáo*: *Tam Giáo Qui Nguyên**, *Ngũ Chi Phục Nhứt** có nghĩa là Tam giáo* (*Nho, Thích, Đạo*) ở Đông phương* vốn cùng một nguồn cội phát sinh là đạo đức* cứu thế mà nói rộng ra cùng nhân loại thì có Ngũ chi* (*Nhơn đạo*, Thần đạo*, Thánh đạo*, Tiên đạo*, Phật đạo**) tuy bằng bạc khắp nơi nhưng vốn đã cùng sự hướng dẫn tu trì tùy theo căn* cơ sanh chúng do Đấng Thượng Đế* Chủ Tể mà ra, nên tất cả không ra ngoài một nguyên lý bảo tồn vạn loại theo cùng một nguyên lý đại đồng vô biệt* từ nghìn xưa đến bao giờ... Cho nên theo thời gian quá xa trong công cuộc cứu độ mà dễ thường không tôn giáo* nào thoát khỏi phạm tâm nên càng trở thành nhân tạo, không còn đủ tính chất thiêng liêng* khỏi ngộ chúng sanh mà phải ý thức* được tính chất phạm hóa đó mà tìm trở về nguồn cội phát sinh duy nhất của mình còn nguyên Vũ trụ tính từ nghìn xưa thì mới mong hoàn thành sứ mạng* cứu thế được.

• **qui Tam Bảo hiệp Ngũ Hành**

La synthèse de la Triade et des 5 Éléments^F - The synthesis of the Triad and the 5 Elements^A - 歸三寶合五行 - Nơi con người, Tam Bảo là Tinh* Khí* Thần*, Ngũ Hành là tâm, can, tì, phế, thận. Nơi người bình thường thì các thành phần này rời rạc không liên kết sinh hóa với nhau ngoài những chức năng cố hữu bẩm sinh là những phương tiện thiên nhiên nuôi dưỡng thể xác một nhân thân. Nhưng với người tu để đạt đạo nhiệm màu thì những phương tiện trên là những môi trường thích nghi cho sự phan luyện để tạo Tiên tác Phật, bởi trong vũ trụ những thành phần tiên thiên vốn là nguồn cội với bản chất hậu thiên* hiện hữu. Do đó, muốn đạt đạo nhiệm màu phải luyện tinh hóa khí, luyện khí hóa thần, cuối cùng luyện thần hườn hư cũng có nghĩa là chuyển hóa* các thành phần sẵn

Đồng Tân

có trong con người cùng nhịp với sự thống hiệp các cơ năng hậu thiên* trong con người để đem trở về nguồn cội siêu nhiên của nó, cũng có nghĩa là phục hồi nguyên thể hậu thiên trở thành tiên thiên màu nhiệm* vậy.

• quì lạy

agenouillement^F - kneeling^A - Để thân mình thẳng đứng trên đầu gối, cử chỉ lễ phép trong sự cầu nguyện* trong hầu hết các nghi lễ tôn giáo* cho thấy sự phục tùng Thần linh*. Đó là vị thế được phép tôn thờ chấp nhận trong các Thánh lễ và trong các cấp bậc chức sắc Cơ Đốc giáo*. Đó cũng là vị thế của những tín đồ Do Thái giáo* để được sự thứ tội của Yom Kippur. Nơi người Đông phương*, nó được bổ túc bởi vị thế ngồi trên gót và theo cách lạy thường xuyên. Phật giáo* thì việc quì lạy rất thông dụng do hàng tín đồ phủ phục trước các giáo phẩm* ni sư không khác lạy ông bà cha mẹ mình mà các tăng ni kia sẵn sàng chấp nhận sự quì lạy đó như sự cúng* dường chứng tỏ lòng tự giác*(?) của chúng sanh đã được nêu ra như một giới luật* phải noi theo. Đó là một thái độ đáng trách, bởi còn mang thân phàm xác tục thì mấy ai có được hạnh đức siêu nhiên đáng để cho kẻ khác bái phục như cha mẹ đã sinh ra mình, chẳng qua khi lột hết bộ áo mão bề bề màu sắc kia thì ai cũng như ai có hơn gì đâu. Còn về tâm linh thì giáo pháp Cao Đài* cho rằng khi còn sống, không ai dưới mắt phàm dù là hàng giáo phẩm mà biết được căn* nghiệp* của người khác - ngoại trừ những vị đắc đạo* tại thế chứ hàng giáo phẩm chìm trong sắc tướng có hơn ai mà bắt người ta cung phụng cho mình thì chỉ tạo thêm nợ thế gian, thì làm sao siêu thoát* được? Do đó, còn mang xác phàm mà nhận cái lạy của người khác cũng không phải là người có đạo hạnh mà kẻ cúi lạy người không phải là cha mẹ mình cũng tự làm mất giá trị nhân bản của mình đi. Cho nên, Cao Đài giáo* không chấp nhận sự bái lạy trước người khác không phải ông bà cha mẹ mình dù họ là hàng giáo phẩm hay quyền tước gì trong xã hội. Và sự cúng lạy Thần linh cũng theo cấp bậc như lạy Trời thì lạy 12 lạy, lạy Thánh Thần 9 lạy, lạy vong người chết* 2 lạy, và lạy ông bà 4 lạy trong khi lạy vong linh* người khuất lạy 4 lạy hàm ý lạy Trời Đất 2 lạy và vong linh 2 lạy như khi còn thể xác.

• quỷ Dạ Xoa

Satan^F - Devil^A - Một loại chúa quỷ theo truyền thuyết Á Đông với thân hình to lớn nanh vuốt dữ dằn mà có làn đức Ngô Minh Chiêu* dùng phù phép* có trong sách Vạn Pháp Qui Tông* của Minh Sư* để triệu hồi tại tư thất ở Sài Gòn, có thể xem như Satan* theo quan niệm Tây phương.

• quyền

Pouvoir^F - Power^A - 鰐 - Một bản năng* tự có nơi con người từ Tiềm Lực Thiên Nhiên* mà ra. Với bản năng này con người có khả năng tự lập để tạo nên cuộc sống của mình mà không cần đến kẻ khác theo trào lưu tiến hóa của nhân loại khi họ đã mang theo mình một sứ mạng*. Nhưng xã hội loài người đã trải qua thời Thượng Cổ mà lịch trình tiến hóa từ homo sapiens đến homo religiosus trong phong kiến đế quốc đã khiến cho con người phải nô lệ vì bị các quyền lực bá vương*, nên phải có cuộc Cách mạng Dân chủ tại Pháp năm 1789 và bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền* năm 1791 thành hình để người dân làm chủ trên trường quốc tế từ đó.

• Quyền Lực Thiên Nhiên

Les Ordres de l'Omnipotent^F - The Omnipotent Orders^A - 權力天韜 - Vũ trụ tuy không phát biểu, nhưng có một Quyền Lực* ngự trị nơi con người và nơi vạn vật khiến họ không bao giờ vượt quá tầm ngũ quan của mình, nếu không nhờ sự bố hóa* tự nơi thế giới Vô hình. Quyền Lực này được khai thị* nơi Đồng Tân gọi là Tiềm Lực Thiên Nhiên* ở dạng Vô hình do sự hiện hữu của các Đấng có quyền năng trong cõi Vô hình đang điều động cuộc sống Vũ trụ mà nơi đâu cũng có các phần hành liên hệ. Nó cũng có thể hữu hình khi tiềm tàng trong mọi cơ cấu vật chất để bảo tồn hay tiêu diệt khối vật chất đó. Khoa học* ngày nay đã khám phá ra các quyền lực này và thiết lập các phương trình công thức quy định sự vận hành các quyền lực đó nhưng chỉ thể hiện trong tầm quan sát của con người về tính hiện hữu của vật chất, trong khi những quyền lực Vô hình chỉ ứng lộ cho con người biết khi họ nhìn nhận họ có một linh hồn* đang điều động thể xác họ và linh hồn ấy sẽ tồn tại khi ra khỏi thể xác để biết quyền lực thiên nhiên của Vũ trụ đã có như thế nào và liên hệ gì với họ nơi

dương thế...

• quyền lực thuyết

théorie du pouvoir^F - power theory^A - 權力説 - Một môn phái luân lý học cho rằng quy định của đạo đức* là gốc ở mệnh lệnh của kẻ có quyền lực. Nhưng chính thuyết này đã quên đi rằng đạo đức là khuôn vàng thước ngọc của nhân loại làm cho những quyền lực kia không thể lạm dụng cuộc sống nhân bản của xã hội loài người một khi những mệnh lệnh kia bị chống trả. Còn những mệnh lệnh phát xuất từ bạo lực chỉ tác dụng như thời chứ không tồn tại được trước sức đề kháng của quần chúng. Cuộc Cách mạng Dân chủ đầu tiên tại Pháp năm 1789 đã cho thấy bạo lực chỉ là một loại ký sinh trùng của đế quốc phong kiến mà cái uy thế của một Lénine, một Staline dù cậy sức mạnh của giai cấp vô sản* để tranh quyền đoạt lợi cho bè đảng mạt xít cuồng loạn kia thì cũng đã sống đến đâu, hoặc vũ phu sát máu như một Mao trạch Đông đã nói "lẽ chánh đáng đều từ họng súng" là sự méo mó của chủ thuyết tam vô mà ra chỉ có nghĩa với những tên bạo chúa hung thần mà thôi.

• Quyền Vạn Linh

*Le Pouvoir de la Masse des Fidèles^F - The Power of Faithfuls in Mass^A - Trong Cao Đài giáo** có ba hội có quyền lực: Thượng Hội*, Hội Thánh* và Hội Nhơn Sanh*. Trong trường hợp bình thường, các quyền của những hội trên đây được phân ra rõ rệt theo từng chức năng. Nhưng trong trường hợp mà các quyền riêng rẽ này không hội đủ điều kiện để thi hành luật pháp thì sẽ có tổ chức Hội Vạn Linh* gồm các thành phần của ba hội trên hợp lại. Và quyền hạn của tổ chức này có được quyền lực ngang với Vô hình, gọi là quyền Vạn Linh. Thánh ngôn* có ghi rõ: "... Các con phải nhớ rằng toàn thể giới Càn Khôn chỉ có hai quyền: trên là quyền hành Chí Tôn của Thầy, dưới là quyền hành của sanh chúng. Thầy đã lập hình thể hữu vi của Thầy, nghĩa là Hội Thánh của Đại Đạo ngày nay rồi thì Thầy cũng phải ban quyền hành trọn vẹn của Thầy cho hình thể ấy, đặt đủ phương tặn độ chúng sanh, còn các con cả thấy đều đứng vào hàng sanh chúng dưới quyền hành chuyển thể của đời, nghĩa là toàn nhân loại đồng quyền cùng Thầy mà Vạn Linh vốn là con cái của Thầy, vậy thì Vạn Linh

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

cũng có thể đoạt vị vào hàng Thần Thánh Tiên Phật đẳng. Trong quyền hành ấy có nhiều đẳng cấp, nên khỏi phải chịu phẩm Người: ấy vậy Người là chủ quyền của Vạn Linh. Thầy nói rõ: quyền Chí Tôn là Thầy, quyền Vạn Linh là sanh chúng; ngày nào quyền lực Chí Tôn đặt hiệp một cùng Vạn Linh thì Đạo mới ra thiết tướng. Thầy đã ban quyền hành Chí Tôn của Thầy cho hai đứa làm đầu Hội Thánh là Giáo Tông cùng Hộ Pháp. Vậy thì quyền hành Chí Tôn của Thầy đặt trọn vẹn khi Giáo Tông cùng Hộ Pháp hiệp một. Còn cả nhân loại thì là quyền lực Vạn Linh. Quyền hành Chí Tôn của Thầy duy có quyền hành vạn linh đối phó mà thôi ..." (đàn tại Thảo Xá Hiền Cung, Tây Ninh ngày 23-12-1931). Như thế có nghĩa là quyền Vạn Linh cũng được xem như quyền Chí Tôn đã được giao cho hai vị đứng đầu cơ quan Cửu Trùng Đài* (hành pháp) là Giáo Tông* và đứng đầu Hiệp Thiên Đài* (tư pháp) là Hộ Pháp* hiệp một khi hai vị lãnh đạo này có đủ tư cách vô tư đạo hạnh vì nhơn sanh thì sự hiệp một ấy mới thể hiện đúng tinh thần luật pháp mà Chí Tôn* đã ban hành. Cho nên, khi Hội Vạn Linh hạch tội hai vị lãnh đạo như lịch sử nền đạo những năm 1933-1934 đã có thì sự hiệp một kia chỉ là một mảnh khoe thể gian nên sau đó một mình ông Phạm công Tắc* lạm dụng vị thế vô hình của đức Lý Thái Bạch* để cơ bút* viết theo phàm ý của ông khi ông phò loan* thì chỉ là một vi phạm trắng trợn quyền hành Chí Tôn vậy. Bởi thế những Đạo Nghị định* số 7 và 8 năm 1934 cùng Đạo luật Mậu Dần* (1938) do một mình ông Phạm công Tắc ở thế "độc tài" tạo ra thì cũng chỉ minh chứng rằng những người theo ông Phạm công Tắc với ngôi vị* giáo chủ phạm pháp ở Tây Ninh đã là một phái đạo không còn giữ đúng tinh thần khai giáo của Đức Cao Đài* cũng như đi ngược lại quyền Vạn Linh vậy.

• quỳnh tương

bon vin^F - fine wine^A - 瓊醬 - Một thứ rượu ngon thời xưa sản xuất từ Trung Hoa.

